UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG BẮC AN PHỤ**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1507/QĐ-UBND	*Bắc An Phụ, ngày 5 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố công khai tình hình thực hiện Dự toán ngân sách phường quý 3 năm 2026

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ- UBND, ngày 19/12/2025 của Uỷ ban nhân dân phường Bắc An Phụ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường Bắc An Phụ năm 2026.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị phường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai tình hình thực hiện Dự toán thu - chi ngân sách phường quý 3 năm 2026.

(*Theo các biểu mẫu đính kèm*)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Trung tâm sự nghiệp công tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- *Sở Tài chính thành phố;*
- *TT Đảng ủy, HĐND phường; (báo cáo)*
- *Lãnh đạo UBND phường*
- *Lưu VT, KTHT&ĐT.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mạc Thị Huyền

UBND PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND phường Bắc An Phụ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiên	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**199.440.846.026**	**48.211.561.080**	**24,17**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	**3.677.000.000**	**969.160.894**	26,36
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	**5.516.000.000**	**1.932.963.186**	35,04
3	Thu bổ sung	**189.190.974.026**	**45.277.557.000**	23,93
-	Bổ sung cân đối	159.309.000.000	26.550.000.000	16,67
-	Bổ sung có mục tiêu	29.881.974.026	18.727.557.000	62,67175316
4	Thu chuyển nguồn	**1.056.872.000**		
	Thu kết dư ngân sách năm trước		**31.880.000**	
	TỔNG SỐ CHI	**199.440.846.026**	**76.752.548.131**	**38,48**
1	Chi đầu tư phát triển	24.152.090.000	4.003.815.000	16,58
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	171.963.756.026	72.748.733.131	42,30
3	Dự phòng	3.325.000.000		-

UBND PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Biểu số 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND phường Bắc An Phụ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	**205.487.846.026**	**198.796.172.020**	**53.582.308.023**	**48.211.561.080**	**26,08**	**24,25**
I	**Các khoản thu xã hưởng 100%**	**3.677.000.000**	**3.032.325.994**	**1.715.619.187**	**969.160.894**	**46,66**	**31,96**
1	Lệ phí trước bạ	1.267.000.000	1.267.000.000	1.185.996.140	640.955.580	93,61	50,59
2	Các loại phí, lệ phí	920.000.000	275.325.994	275.325.994	73.908.261	29,93	26,84
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	540.000.000	540.000.000	254.297.053	254.297.053	47,09	47,09
4	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	950.000.000	950.000.000			-	-
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**11.563.000.000**	**5.516.000.000**	**6.557.251.836**	**1.932.963.186**	**56,71**	**35,04**
1	Thuế tài nguyên	50.000.000		3.815.346			
2	Thu tiền sử dụng đất	800.000.000	160.000.000	3.481.408.000	696.281.600	435,18	435,18
3	Thu tiền thuê đất	1.520.000.000	608.000.000	1.323.617.146	556.511.788	87,08	91,53
4	Thu khác ngân sách	110.000.000	22.000.000	175.590.255	98.479.538	159,63	447,6
5	Lệ phí trước bạ	4.493.000.000	2.247.000.000			-	-
6	Thuế GTGT	4.135.000.000	2.233.000.000	894.387.120	481.559.946	21,63	21,57
7	Thuế thu nhập	455.000.000	246.000.000	678.433.969	100.130.314	1,49	40,70
III	**Thu Viện trợ**						
IV	**Thu chuyển nguồn**	**1.056.872.000**	**1.056.872.000**			-	-
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**31.880.000**	**31.880.000**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**189.190.974.026**	**189.190.974.026**	**45.277.557.000**	**45.277.557.000**	**23,93**	**23,93**
-	Bổ sung cân đối	159.309.000.000	159.309.000.000	26.550.000.000	26.550.000.000	16,67	16,67
-	Bổ sung có mục tiêu	29.881.974.026	29.881.974.026	18.727.557.000	18.727.557.000	62,67	62,67

UBND PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND phường Bắc An Phụ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG	XDCB	TX
A	B	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**76.752.548.131**	**4.003.815.000**	**72.748.733.131**	**38,48**	**16,58**	**41,50**
	Trong đó						
1	Chi giáo dục	48.453.963.506		48.453.963.506	49,69	-	53,79
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	186.279.660		186.279.660	47,76		47,76
3	Chi y tế	948.303.378		948.303.378	24,11		24,11
4	Chi văn hóa, thông tin	349.644.002		349.644.002	25,58		25,58
5	Chi phát thanh, truyền thanh	59.667.600		59.667.600	19,89		19,89
6	Chi thể dục thể thao	45.058.760		45.058.760	12,69		12,69
7	Chi bảo vệ môi trường	519.000.488		519.000.488	34,42		34,42
8	Chi các hoạt động kinh tế	6.309.828.512	4.003.815.000	2.306.013.512	22,66	26,69	17,96
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	10.173.210.158		10.173.210.158	29,40	-	30,93
10	Chi cho công tác xã hội	8.667.069.651		8.667.069.651	37,19		37,19
11	Chi quốc phòng	634.767.016		634.767.016	22,92		22,92
12	Chi an ninh	405.755.400		405.755.400	28,96		28,96
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				0		-
B	Các nhiệm vụ chi khác						
C	Dự phòng ngân sách				0		